



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company Limited

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ XÂY DỰNG DI LINH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



Thành viên hãng AGN International  
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International  
Audit | Tax | Advisory

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 30



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước và Xây dựng Di Linh (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Bà Lê Thị Kim Anh	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2023)
Ông Nguyễn Văn Thọ	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2023)
Ông Nguyễn Hùng Cường	Thành viên
Ông Nguyễn Khắc Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Đỗ Hùng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2023)

#### Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Đỗ Lâm Tuyền	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2023)
Ông Nguyễn Văn Dũng	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2023)
Ông Đỗ Ngọc Bình	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2023)
Ông Trịnh Nam Bửu	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2023)
Ông Hoàng Văn Thìn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2023)
Ông Phạm Đình Phương	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2023)

#### Ban Giám đốc

Nguyễn Khắc Dũng	Quyền Giám đốc
Nguyễn Minh Khoa	Phó Giám đốc

#### Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 14 tháng 6 năm 2023 là Ông Nguyễn Khắc Dũng – Giám đốc và từ ngày 15 tháng 6 năm 2023 cho đến ngày lập báo cáo này là Bà Lê Thị Kim Anh – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Công ty được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC** (tiếp theo)

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC** (tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Nguyễn Khắc Dũng**  
Quyền Giám đốc



**Lê Thị Kim Anh**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Lâm Đồng, ngày 11 tháng 9 năm 2023



Số: 1768/2023/BCSX-ICPA.SG

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Quý Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cấp nước và Xây dựng Di Linh

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước và Xây dựng Di Linh (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 11 tháng 9 năm 2023, từ trang 5 đến trang 30, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện. Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 chưa được soát xét. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Các kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần vào ngày 20 tháng 3 năm 2023.



**Lương Giang Thạch**  
Phó Giám đốc Chi nhánh  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 2178-2023-072-1

**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ**  
**CHI NHÁNH SÀI GÒN**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 9 năm 2023

ING  
ĐÓN  
1-C.T.N.H.H  
ỐC TẾ  
NH  
N  
CHÍNH

*Handwritten signature*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>4.716.490.819</b>	<b>5.105.183.577</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>555.355.883</b>	<b>48.243.187</b>
1. Tiền	111	V.1	555.355.883	48.243.187
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.161.163.934</b>	<b>1.251.615.899</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	963.636.430	1.022.784.057
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		7.205.000	12.745.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	1.187.417.592	215.114.096
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		2.904.912	972.746
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.4</b>	<b>1.981.206.918</b>	<b>3.742.028.958</b>
1. Hàng tồn kho	141		2.111.807.657	3.742.028.958
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(130.600.739)	-
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>18.764.084</b>	<b>63.295.533</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	18.764.084	28.063.331
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	-	35.232.202
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>25.242.643.407</b>	<b>25.423.182.680</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>21.981.429.864</b>	<b>22.588.341.743</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	21.896.000.639	22.588.341.743
- Nguyên giá	222		44.143.728.189	43.862.836.999
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.247.727.550)	(21.274.495.256)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	85.429.225	-
- Nguyên giá	228		183.155.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(97.725.775)	-
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.080.762.866</b>	<b>975.720.042</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	1.080.762.866	975.720.042
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.180.450.677</b>	<b>1.859.120.895</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5	1.704.266.533	1.859.120.895
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		26.120.148	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.9	450.063.996	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>29.959.134.226</b>	<b>30.528.366.257</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>11.608.202.945</b>	<b>13.255.781.395</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>11.401.152.945</b>	<b>13.107.031.395</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	2.632.320.327	4.246.195.271
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		90.256.890	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	1.774.505.830	1.782.777.215
4. Phải trả người lao động	314		356.325.203	605.774.595
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	293.913.408	324.090.652
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	231.472.815	837.185.190
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	6.000.000.000	5.280.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		22.358.472	31.008.472
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>207.050.000</b>	<b>148.750.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.13	207.050.000	148.750.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>18.350.931.281</b>	<b>17.272.584.862</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>18.350.931.281</b>	<b>17.272.584.862</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		14.980.000.000	14.980.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		314.872.410	314.872.410
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		800.000.000	800.000.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.256.058.871	1.177.712.452
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.177.712.452	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		1.078.346.419	1.177.712.452
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300 + 400)	<b>440</b>		<b>29.959.134.226</b>	<b>30.528.366.257</b>



Trần Xuân Cảnh  
Người lập biểu

Phan Thị Hoàng Linh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Khắc Dũng  
Quyền Giám đốc

Lê Thị Kim Anh  
Chủ tịch Hội đồng  
Quản trị

Lâm Đồng, ngày 11 tháng 9 năm 2023





**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.1</b>	<b>10.650.484.033</b>	<b>9.601.378.006</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>10.650.484.033</b>	<b>9.601.378.006</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	7.774.908.487	6.750.846.063
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>2.875.575.546</b>	<b>2.850.531.943</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		208.820	178.364
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	409.994.170	269.419.230
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		330.907.170	269.419.230
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	86.243.260	101.019.772
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	1.023.233.167	918.065.530
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]</b>	<b>30</b>		<b>1.356.313.769</b>	<b>1.562.205.775</b>
11. Thu nhập khác	31		55.020.306	5.778.136
12. Chi phí khác	32		47.805.240	580.846
<b>13. Lỗ khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>7.215.066</b>	<b>5.197.290</b>
<b>14. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>1.363.528.835</b>	<b>1.567.403.065</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.6	311.302.564	313.480.613
16. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(26.120.148)	-
<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>1.078.346.419</b>	<b>1.253.922.452</b>
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	720	837



**Trần Xuân Cảnh**  
Người lập biểu



**Phan Thị Hoàng Linh**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Khắc Dũng**  
Quyên Giám đốc

**Lê Thị Kim Anh**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Lâm Đồng, ngày 11 tháng 9 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	1.363.528.835	1.567.403.065
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐS đầu tư	02	1.070.958.069	950.090.704
Các khoản dự phòng	03	130.600.739	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(208.820)	(178.364)
Chi phí lãi vay	06	330.907.170	269.419.230
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.895.785.993	2.786.734.635
Tăng các khoản phải thu	09	(874.315.833)	(314.889.135)
Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10	1.180.157.305	(194.967.638)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	8.073.080	(407.042.816)
Giảm chi phí trả trước	12	164.153.609	118.149.613
Tiền lãi vay đã trả	14	(318.213.166)	(269.419.230)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(173.147.116)	(392.254.124)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(8.650.000)	(39.970.373)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>2.873.843.872</b>	<b>1.286.340.932</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.645.997.337)	(1.288.906.177)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	208.820	178.364
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(2.645.788.517)</b>	<b>(1.288.727.813)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	5.100.000.000	8.813.192.606
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(4.380.000.000)	(8.701.074.895)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(440.942.659)	(150.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>279.057.341</b>	<b>(37.882.289)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> <b>(50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>507.112.696</b>	<b>(40.269.170)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>48.243.187</b>	<b>122.478.717</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b> <b>(70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>555.355.883</b>	<b>82.209.547</b>

  
Trần Xuân Cảnh  
Người lập biểu


  
Phan Thị Hoàng Linh  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Khắc Dũng  
Quyền Giám đốc

  
Lê Thị Kim Anh  
Chủ tịch Hội đồng  
Quản trị



Lâm Đồng, ngày 11 tháng 9 năm 2023



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp nước và Xây dựng Di Linh (sau đây gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Nhà máy nước Di Linh thuộc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng (một doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước). Công ty được thành lập theo Quyết định số 635/QĐ-UBND ngày 23 tháng 03 năm 2009 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800831612 ngày 11 tháng 9 năm 2009 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp và được cập nhật thay đổi lần 3 vào ngày 21 tháng 6 năm 2023 về việc thay người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty là 14.980.000.000 đồng, được chia thành 1.498.000 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tọa lạc tại số 524 Hùng Vương, Thị trấn Di Linh, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh là: Di Linh Water Supply and Contruction Joint Stock Company, tên viết tắt là: Diliwaco.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và tại ngày ngày 01 tháng 01 năm 2023 lần lượt là 38 người và 36 người.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt phục vụ đô thị và công nghiệp; tư vấn thiết kế công trình xây dựng dân dụng, công trình cấp thoát nước; giám sát thi công công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, thủy lợi; lập dự án đầu tư xây dựng công trình; thẩm tra dự án đầu tư; đánh giá tác động môi trường; thiết kế dự toán xây dựng công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, thủy lợi; lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; thi công xây dựng công trình cấp thoát nước, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, khu du lịch, khu nghỉ dưỡng, vườn sinh thái; sản xuất và kinh doanh dịch vụ, vật tư ngành nước; kinh doanh dịch vụ du lịch tham quan, nghỉ dưỡng; quy hoạch xây dựng hệ thống cấp thoát nước; tư vấn lập quy hoạch, xây dựng hệ thống cấp thoát nước, tư vấn lập hồ sơ mời thầu, xét thầu, tư vấn quản lý dự án; khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn, môi trường.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt phục vụ đô thị và công nghiệp; xử lý nước thải; thi công xây dựng công trình cấp thoát nước.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT** (tiếp theo)**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ là có thể so sánh được.

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN****Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

Các thiết bị, vật tư, phụ tùng được dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường cho mục đích thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản cố định được ghi nhận là tài sản dài hạn.

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị thuần (sau khi đã trừ dự phòng giảm giá, nếu có). Dự phòng giảm giá của thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành tương tự như hàng tồn kho của Công ty.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao** (tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	5 - 17
Máy móc và thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 20
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 - 10

Các tài sản cố định hữu hình của Công ty được đánh giá lại khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị của chương trình phần mềm, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 7 - 10 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các khoản chi phí trả trước của Công ty bao gồm chi phí của hệ thống đường ống nhánh, chi phí kiểm định đồng hồ, chi phí trả trước tiền đất, chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác. Các khoản chi phí này được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.




**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu các khoản này được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng của Công ty chủ yếu là doanh thu từ hoạt động cung cấp nước sạch cho người dân trên địa bàn huyện Di Linh với đơn giá nước áp dụng theo Quyết định của Ủy ban Nhân dân tỉnh cho từng thời kỳ. Đơn giá bán nước chỉ được điều chỉnh sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Ghi nhận giá vốn**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trong kỳ.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp hoặc nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý thay vì là hình thức pháp lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền**

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền mặt	31.376.738	25.015.446
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	523.979.145	23.227.741
<b>Cộng</b>	<b>555.355.883</b>	<b>48.243.187</b>

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Công ty TNHH Đầu tư Thủy Lâm Di Linh	313.665.177	-
Ủy ban Nhân dân xã Gia Bắc	123.685.635	123.685.635
Phải thu tiền sử dụng nước sinh hoạt Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng và Công trình Công cộng huyện Di Linh	108.638.243	94.065.988
Công ty Cổ phần và Xây dựng Phát triển Kinh doanh	-	249.078.000
Các đối tượng khác	313.021.365	381.749.498
<b>Cộng</b>	<b>963.636.430</b>	<b>1.022.784.057</b>

**3. Phải thu ngắn hạn khác**

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Công ty TNHH Đầu tư Thủy Lâm Di Linh (i)	922.774.715	-
Phải thu người lao động	199.560.883	101.516.402
Các khoản phải thu khác	65.081.994	113.597.694
	<b>1.187.417.592</b>	<b>215.114.096</b>

(i) Đây là khoản Công ty TNHH Đầu tư Thủy Lâm Di Linh đang thu hộ Công ty từ khoản phải thu Ban Quản Lý Dự án Đầu tư Xây dựng và Công trình Công cộng huyện Di Linh theo hợp đồng liên doanh số 06/HĐ-TCXL-LDTL&CN ngày 02 tháng 12 năm 2022 về gói thầu di dời hệ thống cấp nước sinh hoạt thuộc dự án nâng cấp đường nội thị, thị trấn Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.




**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

4. Hàng tồn kho	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	1.551.378.136	(130.600.739)	2.262.506.252	-
Công cụ, dụng cụ	182.916.500	-	175.348.500	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	377.513.021	-	1.304.174.206	-
<b>Cộng</b>	<b>2.111.807.657</b>	<b>(130.600.739)</b>	<b>3.742.028.958</b>	<b>-</b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
-	-
130.600.739	-
<b>130.600.739</b>	<b>-</b>

**Số dư đầu kỳ**

Trích lập dự phòng bổ sung trong kỳ

**Số dư cuối kỳ**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)


Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**5. Chi phí trả trước**

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	18.764.084	28.063.331
<b>b. Dài hạn</b>		
Chi phí kiểm định đồng hồ	551.161.066	624.628.695
Chi phí quyền sử dụng đất	390.631.449	396.199.359
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	235.062.827	250.515.367
Chi phí quyền khai thác nước	174.620.722	201.548.098
Chi phí ống nhánh và đồng hồ	163.854.409	186.567.305
Chi phí khác	188.936.060	199.662.071
	<b>1.704.266.533</b>	<b>1.859.120.895</b>
<b>Tổng cộng chi phí trả trước</b>	<b>1.723.030.617</b>	<b>1.887.184.226</b>

***Biến động của chi phí trả trước dài hạn***

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>1.859.120.895</b>	<b>2.207.103.609</b>
Chi phí phát sinh trong kỳ	88.607.955	137.809.622
Đầu tư XD/CB hoàn thành	101.245.231	207.971.840
Phân bổ chi phí trong kỳ	(344.707.548)	(463.931.075)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.704.266.533</b>	<b>2.088.953.996</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**6. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>	<b>7.245.513.591</b>	<b>5.279.655.336</b>	<b>30.787.562.531</b>	<b>550.105.541</b>	<b>43.862.836.999</b>
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	100.063.695	363.982.495	-	464.046.190
Phân loại lại sang TSVH	-	-	(183.155.000)	-	(183.155.000)
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>	<b>7.245.513.591</b>	<b>5.379.719.031</b>	<b>30.968.390.026</b>	<b>550.105.541</b>	<b>44.143.728.189</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>	<b>4.569.344.580</b>	<b>2.972.602.909</b>	<b>13.449.631.935</b>	<b>282.915.832</b>	<b>21.274.495.256</b>
Khấu hao trong kỳ	116.012.820	158.181.054	772.288.101	24.476.094	1.070.958.069
Phân loại lại sang TSVH	-	-	(97.725.775)	-	(97.725.775)
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>	<b>4.685.357.400</b>	<b>3.130.783.963</b>	<b>14.124.194.261</b>	<b>307.391.926</b>	<b>22.247.727.550</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>	<b>2.676.169.011</b>	<b>2.307.052.427</b>	<b>17.337.930.596</b>	<b>267.189.709</b>	<b>22.588.341.743</b>
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>	<b>2.560.156.191</b>	<b>2.248.935.068</b>	<b>16.844.195.765</b>	<b>242.713.615</b>	<b>21.896.000.639</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 6.441.005.401 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**7. Tài sản cố định vô hình**Chương trình  
phần mềm  
VND

Nguyên giá

Tại ngày 01/01/2023

Phân loại lại từ TSCĐ

Tại ngày 30/06/2023

-

183.155.000

**183.155.000**

Giá trị hao mòn lũy kế

Tại ngày 01/01/2023

Phân loại lại từ TSCĐ

Khấu hao trong kỳ

Tại ngày 30/06/2023

-

88.753.105

8.972.670

**97.725.775**

Giá trị còn lại

Tại ngày 01/01/2023

-

Tại ngày 30/06/2023

**85.429.225****8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

30/06/2023

01/01/2023

VND

VND

Chi phí quyền sử dụng đất để xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt

471.000.000

471.000.000

Công trình nâng cấp đường liên xã Hoà Ninh - Hoà Bắc

202.044.682

384.011.084

Các công trình khác

407.718.184

120.708.958

**Cộng****1.080.762.866****975.720.042****Biến động của chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Từ 01/01/2023

Từ 01/01/2022

đến 30/06/2023

đến 30/06/2022

VND

VND

**Số dư đầu kỳ****975.720.042****2.161.276.980**

Chi phí phát sinh trong kỳ

670.334.245

1.074.491.813

Kết chuyển sang TSCĐHH

(464.046.190)

(1.546.234.525)

Kết chuyển sang chi phí trả trước

(101.245.231)

(207.971.840)

**Số dư cuối kỳ****1.080.762.866****1.481.562.428**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**9. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	450.063.996	-	-	-

**10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Công ty TNHH Đầu tư Thủy Lâm Di Linh	893.987.104	893.987.104	673.244.944	673.244.944
Công ty Cổ phần Đầu tư và Cấp nước Kala	554.000.000	554.000.000	665.611.893	665.611.893
Công ty TNHH Đầu tư Thái Thịnh Di Linh	313.592.726	313.592.726	780.825.103	780.825.103
Công ty TNHH Xây dựng Công nghệ Môi trường Thiện Vinh	149.039.500	149.039.500	737.650.500	737.650.500
Các đối tượng khác	721.700.997	721.700.997	1.388.862.831	1.388.862.831
<b>Cộng</b>	<b>2.632.320.327</b>	<b>2.632.320.327</b>	<b>4.246.195.271</b>	<b>4.246.195.271</b>

**11. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2023
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Phải thu</b>				
Thuê giá trị gia tăng vãng lai	35.232.202	39.738.125	4.505.923	-
<b>b. Phải nộp</b>				
Thuế GTGT	330.261.860	311.142.885	283.596.292	357.808.453
Thuế TNDN	346.147.115	311.302.564	173.147.116	484.302.563
Thuế TNCN	79.163.383	24.694.820	79.163.383	24.694.820
Phí bảo vệ môi trường	680.627.224	806.396.404	737.079.782	749.943.846
Thuế tài nguyên	282.463.500	309.545.400	435.664.200	156.344.700
Tiền thuế đất	-	1.411.448	-	1.411.448
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Các khoản phải nộp khác	64.114.133	-	64.114.133	-
<b>Cộng</b>	<b>1.782.777.215</b>	<b>1.768.493.521</b>	<b>1.776.764.906</b>	<b>1.774.505.830</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**12. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Trích trước chi phí điện	140.910.240	153.059.652
Trích trước chi phí quyền khai thác nước	110.733.164	-
Trích trước chi phí lãi vay	41.270.004	28.576.000
Các khoản chi phí phải trả khác	1.000.000	142.455.000
<b>Cộng</b>	<b><u>293.913.408</u></b>	<b><u>324.090.652</u></b>

**13. Phải trả khác**

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Bảo hiểm xã hội	59.497.984	127.417.176
Phí bảo lãnh tài sản đảm bảo	43.908.700	-
Vật tư sau kiểm kê thừa chờ xử lý	36.875.195	1.629.742
Cổ tức phải trả	-	440.942.659
Các khoản phải trả về thù lao HĐQT và BKS	-	161.217.000
Các khoản phải trả khác	91.190.936	105.978.613
	<b><u>231.472.815</u></b>	<b><u>837.185.190</u></b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ	207.050.000	148.750.000
	<b><u>207.050.000</u></b>	<b><u>148.750.000</u></b>
<b>Tổng cộng phải trả khác</b>	<b><u>438.522.815</u></b>	<b><u>985.935.190</u></b>






**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

**14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Vay VND	Thanh toán VND
<b>Vay ngân hàng</b>				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Di Linh	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
<b>Vay cá nhân</b>				
Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp	1.100.000.000	1.100.000.000	1.100.000.000	-
Bà Lê Thị Thu	900.000.000	900.000.000	-	100.000.000
Ông Nguyễn Khắc Dũng	-	-	950.000.000	1.230.000.000
Bà Nguyễn Thị Mai Phương	-	-	580.000.000	580.000.000
	<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>2.630.000.000</b>	<b>1.910.000.000</b>
<b>Tổng cộng khoản vay</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>6.630.000.000</b>	<b>5.910.000.000</b>
				<b>5.280.000.000</b>
				<b>1.280.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn** (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Di Linh	4.000.000.000	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	8,5%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Quyền sử dụng đất và toàn bộ phần diện tích công trình xây dựng trên đất thuộc thửa đất số 195, tờ bản đồ số 52, tọa lạc tại đường Hùng Vương, Thị trấn Di Linh, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng của Ông Nguyễn Văn Thọ và Bà Lê Thị Thu.
Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp	1.100.000.000	11 tháng	09/01/2024	12%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
Bà Lê Thị Thu	900.000.000	6 tháng	30/09/2023	12,6%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Khoản vay không có tài sản đảm bảo.




**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

**15. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>	<b>14.980.000.000</b>	<b>800.000.000</b>	<b>162.379.871</b>	<b>1.420.053.822</b>	<b>17.362.433.693</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	1.253.922.452	1.253.922.452
Chia cổ tức	-	-	-	(1.221.909.000)	(1.221.909.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(150.523.845)	(150.523.845)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	152.492.539	(152.492.539)	-
<b>Tại ngày 30/06/2022</b>	<b>14.980.000.000</b>	<b>800.000.000</b>	<b>314.872.410</b>	<b>1.149.050.890</b>	<b>17.243.923.300</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	28.661.562	28.661.562
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>14.980.000.000</b>	<b>800.000.000</b>	<b>314.872.410</b>	<b>1.177.712.452</b>	<b>17.272.584.862</b>
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>	<b>14.980.000.000</b>	<b>800.000.000</b>	<b>314.872.410</b>	<b>1.177.712.452</b>	<b>17.272.584.862</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	1.078.346.419	1.078.346.419
<b>Tại ngày 30/06/2023</b>	<b>14.980.000.000</b>	<b>800.000.000</b>	<b>314.872.410</b>	<b>2.256.058.871</b>	<b>18.350.931.281</b>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Tên cổ đông	Tại ngày 30/06/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	Số lượng Cổ phần	Tỷ lệ (%)	Giá trị VND	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Cấp thoát Nước Lâm Đồng	554.365	37,01%	5.543.650.000	37,01%
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Du lịch DL	547.454	36,55%	5.474.540.000	0,00%
Ông Nguyễn Khắc Dũng	194.813	13,00%	1.948.130.000	13,00%
Ông Trịnh Nam Bửu	52.724	3,52%	527.240.000	3,52%
Ông Nguyễn Văn Thọ	-	0,00%	-	30,53%
Ông Nguyễn Đỗ Hùng	-	0,00%	-	5,63%
Các cổ đông khác	148.644	9,92%	1.486.440.000	10,31%
<b>Cộng</b>	<b>1.498.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>14.980.000.000</b>	<b>100,00%</b>
			<b>Số lượng Cổ phần</b>	<b>Giá trị VND</b>
			<b>1.498.000</b>	<b>14.980.000.000</b>
			<b>1.498.000</b>	<b>14.980.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**15. Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)**c) Cổ phiếu**

	30/06/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.498.000	1.498.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và thanh toán đủ + <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.498.000 1.498.000	1.498.000 1.498.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành + <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.498.000 1.498.000	1.498.000 1.498.000
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

**d) Cổ tức**

Việc chia cổ tức năm 2022 chưa được đề cập trong Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty tại Đại hội thường niên ngày 15 tháng 6 năm 2023.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Doanh thu kinh doanh nước sạch	8.064.636.637	7.312.148.316
Doanh thu xây dựng, lắp đặt hệ thống cấp nước	2.306.799.134	1.989.968.855
Doanh thu bán lẻ vật tư	266.643.702	274.404.697
Doanh thu khác	12.404.560	24.856.138
<b>Cộng</b>	<b>10.650.484.033</b>	<b>9.601.378.006</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Giá vốn kinh doanh nước sạch	5.425.022.607	4.982.470.586
Giá vốn xây dựng, lắp đặt hệ thống cấp nước	1.964.439.386	1.530.019.816
Giá vốn bán lẻ, vật tư	246.261.163	236.838.499
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	130.600.739	-
Giá vốn khác	8.584.592	1.517.162
<b>Cộng</b>	<b>7.774.908.487</b>	<b>6.750.846.063</b>




**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**3. Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Chi phí lãi vay	330.907.170	269.419.230
Chi phí bảo lãnh khoản vay	79.087.000	-
<b>Cộng</b>	<b>409.994.170</b>	<b>269.419.230</b>

*Trong đó, chi phí tài chính phát sinh từ các giao dịch với bên liên quan:*

Ông Nguyễn Văn Thọ	79.087.000	-
Bà Lê Thị Thu	60.998.000	-
Ông Nguyễn Khắc Dũng	6.464.000	-
<b>Cộng</b>	<b>146.549.000</b>	<b>-</b>

**4. Chi phí bán hàng**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Chi phí duy trì đầu nổi	86.243.260	101.019.772
<b>Cộng</b>	<b>86.243.260</b>	<b>101.019.772</b>

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	401.847.143	396.719.292
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.457.834	3.960.341
Chi phí khấu hao tài sản cố định	44.093.634	44.093.634
Thuế, phí và lệ phí	1.793.560	-
Xóa nợ không có khả năng thu hồi	47.743.900	-
Chi phí mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	525.297.096	473.292.263
<b>Cộng</b>	<b>1.023.233.167</b>	<b>918.065.530</b>

**6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>1.363.528.835</b>	<b>1.567.403.065</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Cộng: Chi phí không được trừ	192.983.986	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>1.556.512.821</b>	<b>1.567.403.065</b>
Chuyển lỗ	-	-
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>1.556.512.821</b>	<b>1.567.403.065</b>
Thuế suất thông thường	20%	20%
<b>Chi phí TNDN hiện hành</b>	<b>311.302.564</b>	<b>313.480.613</b>




**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.888.252.482	3.098.092.753
Chi phí nhân công	2.597.572.678	2.506.319.537
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.070.958.069	1.041.612.298
Chi phí duy trì đầu nổi	86.243.260	101.019.772
Chi phí dự phòng	221.183.348	-
Chi phí mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	2.020.175.077	1.022.887.005
<b>Cộng</b>	<b>8.884.384.914</b>	<b>7.769.931.365</b>

**8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.078.346.419	1.253.922.452
Trừ: Số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao, khen thưởng ban điều hành	-	-
<b>Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.078.346.419</b>	<b>1.253.922.452</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm	1.498.000	1.498.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>720</b>	<b>837</b>

**VII. THÔNG TIN KHÁC****1. Thông tin các bên liên quan****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần Cấp thoát Nước Lâm Đồng	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Du lịch DL Bà Lê Thị Kim Anh	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Ông Nguyễn Hùng Cường	Chủ tịch hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Khắc Dũng	Thành viên hội đồng quản trị
	Thành viên hội đồng quản trị kiêm Quyền Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Khoa	Phó Giám đốc
Bà Lê Thị Thu	Bên liên quan của Chủ tịch hội đồng quản trị
	Nhiệm kỳ 4/2018 - 6/2023

Ngoài các số dư và giao dịch đã được trình bày tại các thuyết minh khác trong bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ này, trong kỳ Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:




**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

**VII. THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)**1. Thông tin các bên liên quan** (tiếp theo)

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
<b>Ông Nguyễn Văn Thọ</b>		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	-	1.500.000.000
Chuyển trả tiền hỗ trợ vốn	-	1.500.000.000
<b>Ông Nguyễn Khắc Dũng</b>		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	950.000.000	3.185.000.000
Chuyển trả tiền hỗ trợ vốn	1.230.000.000	3.075.000.000
<b>Bà Lê Thị Thu</b>		
Chuyển trả tiền hỗ trợ vốn	100.000.000	-

**Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ:**

Họ tên	Chức vụ	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
<b>Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc</b>			
Bà Lê Thị Kim Anh	Chủ tịch HĐQT	-	-
Ông Nguyễn Văn Thọ	Chủ tịch HĐQT ( <i>đã miễn nhiệm</i> )	31.302.900	-
Ông Nguyễn Hùng Cường	Thành viên	18.783.000	-
Ông Nguyễn Khắc Dũng	Thành viên HĐQT kiêm Quyền Giám đốc	130.112.000	83.538.000
Ông Nguyễn Minh Khoa	Phó Giám đốc	93.636.000	71.604.000
Ông Nguyễn Đỗ Hùng	Thành viên ( <i>đã miễn nhiệm</i> )	18.783.000	-
		<b>292.616.900</b>	<b>155.142.000</b>
<b>Ban kiểm soát</b>			
Bà Nguyễn Đỗ Lâm Tuyền	Trưởng ban	-	-
Ông Nguyễn Văn Dũng	Trưởng ban ( <i>đã miễn nhiệm</i> )	18.783.000	-
Ông Đỗ Ngọc Bình	Thành viên	-	-
Ông Trịnh Nam Bão	Thành viên	-	-
Ông Hoàng Văn Thìn	Thành viên ( <i>đã miễn nhiệm</i> )	13.913.000	-
Ông Phạm Đình Phương	Thành viên ( <i>đã miễn nhiệm</i> )	12.521.700	-
		<b>45.217.700</b>	-
Bà Phan Thị Hoàng Linh	Kế toán trưởng	-	-
Ông Trần Xuân Cảnh	Kế toán trưởng ( <i>đã miễn nhiệm</i> )	97.145.000	63.648.000
		<b>97.145.000</b>	<b>63.648.000</b>




**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

**VII. THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)**2. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 chưa được soát xét.

**3. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ngày 05 tháng 9 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 bằng cổ phiếu với số lượng 78.666 cổ phiếu, giá trị tương đương 786.660.000 đồng, chiếm 5.25% trên vốn điều lệ. Thời gian chi trả cổ tức dự kiến trong Quý 3 năm 2023.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần được điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

  
Trần Xuân Cảnh  
Người lập biểu  
Phan Thị Hoàng Linh  
Kế toán trưởng  
Nguyễn Khắc Dũng  
Quyền Giám đốc  
Lê Thị Kim Anh  
Chủ tịch Hội đồng  
Quản trị

Lâm Đồng, ngày 11 tháng 9 năm 2023

C  
P  
N  
HT  
I  
N  
H  
H  
T  
E  
M  
I  
N  
H